

# Kinh tế Việt Nam 2013: Tiếp tục ổn định vĩ mô và phục hồi tăng trưởng

Trần Thọ Đạt\*, Vũ Duy Thành\*\*, Trần Thị Lan Hương\*\*\*

*Bài viết tổng quan lại những diễn biến vĩ mô cơ bản, phân tích nguyên nhân và đánh giá tầm tác của nội dung cơ bản của chính sách tài khóa và tiền tệ năm 2013, từ đó nhận diện các thách thức trong những năm tới. Bài viết gồm 3 phần chính: (i) tổng quan kinh tế vĩ mô năm 2013 thông qua diễn biến của các biến số kinh tế vĩ mô cơ bản, (ii) phân tích một số nội dung cơ bản của việc điều hành chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ, và (iii) nhận diện một số thách thức và rủi ro trong năm 2014 và thời gian tới.*

**Từ khóa:** tăng trưởng, vốn đầu tư xã hội, lao động, lạm phát, xuất khẩu, nhập khẩu, cán cân thương mại, chính sách tiền tệ, chính sách tài khóa.

## I. Diễn biến kinh tế vĩ mô năm 2013

### 1.1. Tăng trưởng và nguồn tăng trưởng

#### Tăng trưởng

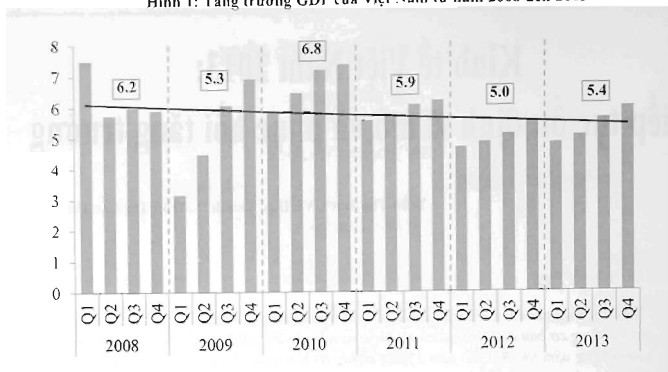
Những nỗ lực trong việc duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, ưu tiên kiềm chế lạm phát đã đem lại cho nền kinh tế Việt Nam những kết quả tích cực trong năm 2013. Tăng trưởng GDP trong quý 3 2013 đạt 5,54% so với quý 2/2013, góp phần đưa GDP 9 tháng/2013 tăng 5,14%, khá hơn so với cùng kỳ năm 2012 (5,05%, tính theo giá so sánh 1994). So với 2 quý trước đó (quý 1 tăng 4,76%, quý 2 tăng 5%), và năm trước (5,03% năm 2012), tăng trưởng quý 3 phản ánh rõ hơn xu hướng tăng lên qua các quý, và nền kinh tế có dấu hiệu thoát đáy, nhích lên từng bước qua các quý. Tăng trưởng và ổn định kinh tế trong quý 4 còn tùy thuộc khá nhiều vào sức khỏe kinh tế thế giới, tuy nhiên với đặc tính mùa vụ, chỉ số tăng tổng sản lượng thường đạt mức cao nhất vào quý cuối năm, tăng trưởng GDP quý 4 2013 dự kiến sẽ tiếp tục cao hơn quý 3/2013, ước đạt 5,91%, do vậy GDP cả năm dự kiến đạt 5,4%. Do đó, đạt được mục tiêu tăng trưởng 5,5% cho cả năm 2013 sẽ vẫn khó khăn.

Như vậy, có thể thấy trong năm 2013, tăng trưởng chậm lại bắt đầu xuất hiện ở quý 1 và quý 2 và đây

là lần đầu tiên Việt Nam trải qua hai năm liên tiếp có mức tăng trưởng không cao hơn 5% vào nửa đầu tiên của năm kể từ khi Việt Nam bắt đầu công bố GDP theo quý. Tính bình quân ca 3 năm thì tốc độ tăng trưởng là thấp nhất so với tốc độ tăng bình quân trong bốn kỳ 5 năm trước, và thấp xa so với kế hoạch đề ra của 5 năm 2011-2015 (Trần Thọ Đạt và cộng sự, 2013).

Sự hồi phục tăng trưởng của nền kinh tế được thể hiện khá rõ qua tăng trưởng của các ngành. Khu vực nông, lâm ngư nghiệp và thủy sản dường như đánh mất đi vai trò "trụ đỡ" của nền kinh tế lúc suy giảm khi trở thành khu vực duy nhất có tốc độ tăng trưởng đều thấp hơn các quý tương ứng của năm 2012 (lần lượt là 2,24%, 2,07% và 2,39% trong các quý 1, 2 và 3 năm 2013 so với 2,84%, 2,81% và 2,48% của ba quý đầu năm 2012 và thấp hơn nhiều so với tốc độ tăng trưởng chung của nền kinh tế). Khu vực công nghiệp và xây dựng tăng trưởng khá rõ nét trong 3 quý đầu năm 2013 với tốc độ tăng đều cao hơn so với các quý tương ứng của năm 2012 (4,93%, 5,18% và 5,2% trong năm 2013 so với 2,94%, 3,81% và 4,36%) và có cao hơn một chút so với tốc độ tăng trưởng theo quý tương ứng của nền kinh tế. Tiếp tục là đầu tàu của nền kinh tế, tăng trưởng của nhóm ngành dịch vụ là khởi sắc nhất với

Hình 1: Tăng trưởng GDP của Việt Nam từ năm 2008 đến 2013



Nguồn: Tổng cục Thống kê

tốc độ tăng cao hơn so với năm trước (tương ứng là 5,65%, 5,92% và 6,25% của năm 2013 so với 5,31%, 5,57% và 5,97% của năm 2012) và cao hơn rõ rệt tốc độ tăng của toàn bộ nền kinh tế.

So sánh với các nước ASEAN-5, tốc độ tăng trưởng Việt Nam giai đoạn 2011-2012 tương đương với Phillipines, thấp hơn Indonesia và Malaysia và cao hơn Singapore và Thái Lan. Tuy nhiên, ngoại trừ Singapore, trong giai đoạn này, tất cả các nước ASEAN-5 đều có tốc độ tăng trưởng cao hơn giai đoạn trước (2008-2010), trong khi tăng trưởng của Việt Nam suy giảm qua hai giai đoạn trên. Tốc độ tăng trưởng trung bình của Việt Nam bắt đầu xu thế suy giảm nhanh và liên tục từ giai đoạn cuối 2007, và đến giai đoạn cuối 2013 nằm ở mức thấp nhất kể từ năm 2000. Trong khi đó, tăng trưởng các nước ASEAN-5 đều khởi sắc hơn kể từ giai đoạn cuối 2009, sau khủng hoảng kinh tế toàn cầu (Trần Thọ Đạt và cộng sự, 2013).

Mặc dù tốc độ tăng trưởng thấp và không đạt được mục tiêu trong 5 năm, nhưng chỉ số GDP bình quân đầu người lại được tính toán theo GDP danh nghĩa (có yếu tố lạm phát) nên chỉ tiêu này dự kiến đạt được kế hoạch. Do lạm phát ở Việt Nam cao hơn nhiều lần ở Mỹ, trong khi tỷ giá VND/USD ổn định (bình quân 2012 tăng 0,18%, 10 tháng 2013 tăng 0,58%), nên GDP bình quân đầu người tính bằng USD theo tỷ giá hối đoái đã tăng tương đối nhanh qua mấy năm nay. Bình quân GDP đầu người năm

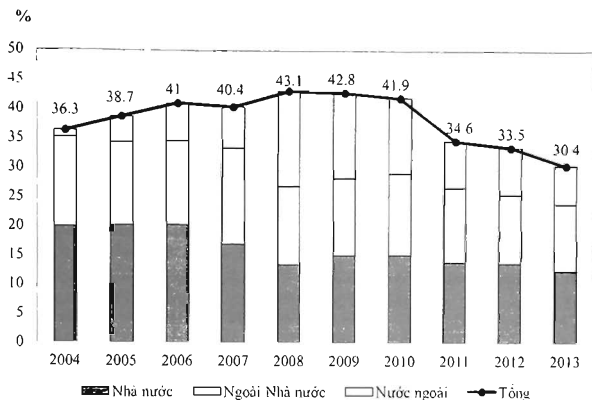
2010 đạt 1.273 USD, năm 2011 đạt 1.517 USD, năm 2012 đạt 1.749 USD, khả năng 2013 sẽ vượt qua mốc 1.900 USD. Với kết quả này, Việt Nam đã ra khỏi nhóm nước thu nhập thấp, chuyển sang nhóm nước có thu nhập trung bình (thấp). Tuy nhiên, GDP bình quân đầu người của Việt Nam năm 2011 vẫn còn thấp xa so với nhiều nước và vùng lãnh thổ (đứng thứ 7/11 Đông Nam Á), chênh lệch mức thu nhập đôi vẫn còn xa, thậm chí đối với nhiều nước Việt Nam có nguy cơ tụt hậu xa hơn (Trần Thọ Đạt và cộng sự, 2013).

#### Vốn đầu tư xã hội

Một trong những nguyên nhân quan trọng nhất dẫn tới suy giảm kinh tế và phục hồi chậm chạp trong 3 năm qua là sự suy giảm đều đặn và toàn diện của tỷ trọng đầu tư. Tổng đầu tư trong quý 1/2013 chiếm 29,6% GDP, thấp hơn gần 13 điểm phần trăm so với mức đỉnh năm 2008 (43,1% GDP). Đầu tư của khu vực nhà nước sau khi sụt giảm mạnh trong quý 1 đã có sự phục hồi nhẹ trong các quý 2 và 3. Tuy nhiên, tỷ lệ đầu tư khu vực ngoài nhà nước có xu hướng giảm sút qua 3 quý đầu năm 2013 là một hiện tượng đáng lo ngại. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài từ quý 4 năm 2012 đến nay có xu hướng tăng chậm nhưng vững chắc (Trần Thọ Đạt và cộng sự, 2013).

Hình 2 cho thấy tỷ lệ vốn đầu tư so với GDP trong hai năm 2012 và 2013 đã sụt giảm mạnh, chỉ còn lần lượt là 33,5% và 30,4%. Đây được xem là

Hình 2: Tỷ lệ vốn đầu tư so với GDP từ năm 2004 đến năm 2013



Nguồn: Tổng cục Thống kê

một trong những nguyên nhân chính khiến tăng trưởng GDP có xu hướng giảm dần.

#### Lao động và nguồn lao động

Theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới, dù tỷ lệ FDI/GDP giảm và một số vấn đề về kinh tế vĩ mô vẫn chưa được giải quyết một cách thật chắc chắn, Việt Nam vẫn được xem là một trong những điểm đến hấp dẫn nhất của các nhà đầu tư nước ngoài tại khu vực Đông Á, chủ yếu là do chi phí nhân công rẻ, cơ cấu dân số thuận lợi, vị trí địa lý thuận lợi và ổn định chính trị. Về lực lượng lao động, mức tăng lực lượng lao động năm 2012 là khoảng 2,3% (so với 2,0% của năm 2011) và con số tuyệt đối đã vào khoảng 52,6 triệu. Trong khi cung lao động vẫn tiếp tục gia tăng, nhưng cầu lao động có xu hướng giảm, do vậy đã gây nên nhiều sức ép lên thị trường lao động. Tỷ lệ thất nghiệp năm 2012 giảm còn 1,99% (so với 2,22% năm 2011), nhưng tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị đã cao gấp đôi so với khu vực nông thôn, phản ánh việc làm ở khu vực phi nông nghiệp đang ngày càng trở nên khó khăn (Ủy ban Kinh tế Quốc hội, 2013). Như vậy, tăng trưởng năm 2013 cao hơn nhưng chất lượng tăng trưởng trên phương diện "nguồn tăng trưởng" chưa được cải thiện. Đóng góp của yếu tố vốn và lao động trong tăng trưởng của các năm 2010 là 68,79% và 23,11%; năm 2011 là 55,53% và 26,18%; năm 2012

là 59,16% và 30,86%; và năm 2013 là 55,79% và 17,12%. Đóng góp của năng suất tổng nhân tố vào tăng trưởng GDP của Việt Nam so với các nước trong khu vực thấp: Hàn Quốc: 51,32%; Malaysia: 36,18%; Thái Lan: 36,14%; Trung Quốc: 35,19%; Ấn Độ: 31,01%; Việt Nam: 19,59% (Khánh Linh, 2013a)

#### 1.2. Lạm phát

Tổng cục Thống kê ước tính chỉ số giá tiêu dùng CPI năm 2013 tăng khoảng 6% so với năm 2012. Như vậy, CPI năm nay có tốc độ tăng thấp nhất trong khoảng 10 năm gần đây, và mục tiêu kiểm soát lạm phát năm nay là đạt được. Đây có thể xem là một trong những nỗ lực vĩ mô thành công nhất trong năm 2013. CPI của nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 19,5% so với tháng 12 năm trước, đóng góp vào chỉ số chung cả nước xấp xỉ 1,1%, trong khi đó CPI nhóm giáo dục tăng trên 11%, đóng góp vào chỉ số chung cả nước tăng khoảng gần 0,7%. Giá xăng dầu trong năm qua 4 lần điều chỉnh tăng và 6 lần điều chỉnh giảm đã tăng 2,15%, góp phần vào tăng CPI chung là 0,08%, giá điện cũng được điều chỉnh 2 đợt với mức tăng tổng cộng 10%; giá gas tăng mạnh khiến cả năm tăng gần 5%. Nỗ lực kiểm chế lạm phát thông qua kết quả điều hành chính sách kịp thời về tăng cường quản lý giá thị trường, điều hành chính sách tiền tệ, tỷ giá, thị trường vàng lĩnh hoạt,

Từ mức lãi suất huy động 18%/năm trong năm 2011, khiến lãi suất cho vay cao tới 23-25%/năm, đến nay, trần lãi suất huy động đã giảm về mức trước sự giảm kinh tế vào khoảng 7%/năm, mức lãi suất cho vay được điều chỉnh xuống mức hợp lý hơn, quanh ngưỡng 10-12%/năm (Thúy Hiền, 2013).

Tuy nhiên, sang năm 2014, Ngân hàng ANZ cho rằng đầu tư công tăng sẽ gây áp lực lên giá cả và nhu cầu nhập khẩu, dẫn đến lạm phát tăng lên 7,5-8%. So sánh với 11 nền kinh tế mới nổi khác tại châu Á theo khảo sát của ANZ, lạm phát của Việt Nam ở mức cao nhất, trong khi 2013 xếp sau Indonesia và 2012 xếp sau Ấn Độ (Huyền Thư, 2013).

### 1.3. Xuất, nhập khẩu và cán cân thương mại

Tương tự như năm 2012, xuất khẩu năm 2013 tiếp tục là điểm sáng của nền kinh tế. Năm 2011, kim ngạch xuất khẩu đạt 96,9 tỉ USD, tăng 34% so với năm 2010. Năm 2012, với kim ngạch 114,6 tỉ USD, xuất khẩu lần đầu tiên vượt 100 tỉ USD. Theo Tổng cục Thống kê, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu

năm 2013 ước tính đạt 132,2 tỷ USD, tăng 15,4% so với năm 2012. Trong đó, xuất khẩu của khu vực kinh tế trong nước ước đạt 43,8 tỷ USD, tăng 3,5%, của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (gồm cả dầu thô) đạt 88,4 tỷ USD, tăng 22,4%. Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu năm 2013 đạt 131,3 tỷ USD, tăng 15,4% so với năm trước, trong đó nhập khẩu của khu vực kinh tế trong nước ước đạt 56,8 tỷ USD, tăng 5,6%, của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 74,5 tỷ USD, tăng 24,2%. Tính chung cả năm 2013, kinh tế nước ta xuất siêu 863 triệu USD, trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 13,1 tỷ USD, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài xuất siêu gần 14 tỷ USD (Khánh Linh, 2013b; Nguyễn Duy Nghĩa, 2013).

Như vậy, ba năm qua cán cân thương mại đã cải thiện đáng kể. Năm 2011 cán cân thương mại thâm hụt 9,8 tỉ USD, tỉ lệ là 10%. Cán cân thương mại cả năm 2012 đảo chiều thặng dư khoảng 0,3 tỷ USD. Đây là lần đầu tiên cán cân thương mại thặng dư kể từ năm 1993 đến nay (Thần Hoàng Dũng, 2013). Năm 2013, cán cân thương mại tiếp tục thặng dư.

**Bảng 1: Dự báo tỷ lệ lạm phát của một số quốc gia qua các năm**

Quốc gia	2012	2013	2014	2015
Trung Quốc	2.6	2.7	3.3	3
Hồng Kông	4.1	4.4	3.8	3.4
Ấn Độ (WPI)	7.5	5.6	5.9	5.7
In-đô-nê-xi-a	4.3	7.0*	6.4*	5.5*
Nhật Bản	0	0.2	2	2
Ma-lay-xi-a	1.7	2.2	3	2.5
Phi-lip-pin	3.1	3	3.8	3.5
Xinh-ga-po	4.6	2.3	3.3	3
Hàn Quốc	2.2	1.3	2.6	2.5
Đài Loan	1.9	0.9	1.5	1.8
Thái Lan	2.1	1	1.2	1.4
Việt Nam	6.8	6.6	8	7.5

Dự báo được cập nhật vào ngày 5 tháng 9 năm 2013  
Đơn vị: %

\* Được sửa lại với số liệu cập nhật năm 2014

Nguồn: (Huyền Thư, 2013).

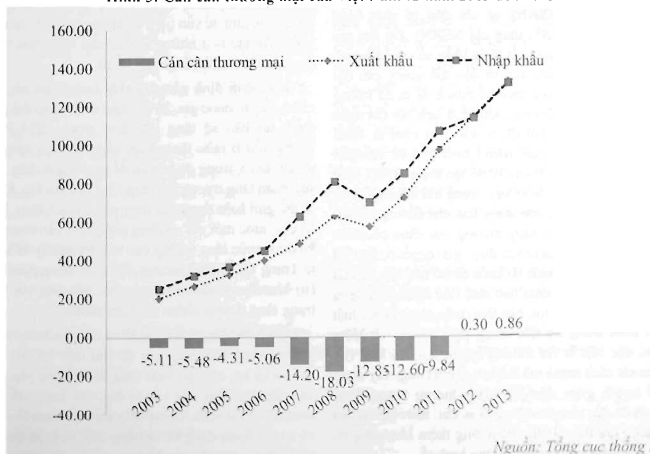
Hình 3 cho thấy, thâm hụt thương mại sau khi đạt đỉnh với 18,03 tỷ USD trong năm 2008. đã có dấu hiệu thu hẹp dần: năm 2012, cán cân thương mại đã có thặng dư và năm 2013 tiếp tục thặng dư 863 triệu USD (Khánh Linh, 2013b).

Về cơ cấu đối tác thương mại, trong 7 đối tác thương mại quan trọng nhất của Việt Nam (bao gồm: Trung Quốc (đại lục), ASEAN-5, EU, Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc và Đài Loan), Việt Nam luôn có xuất siêu đối với Mỹ và EU, và hầu như có xuất siêu với Nhật Bản. Mỹ đứng đầu cả về xuất khẩu và xuất siêu của Việt Nam, với số xuất siêu năm 2012 là 14,8 tỉ USD và 9 tháng 2013 là 12,2 tỉ USD, tiếp đến là EU. Đến 2010, Việt Nam còn nhập siêu từ Nhật Bản, nhưng từ 2011 đến nay ta liên tục xuất siêu. Đáng lưu ý là từ năm 2001, Việt Nam bắt đầu nhập siêu từ Trung Quốc ở mức 210 triệu USD, chỉ trong 10 tháng đầu năm 2013 mức nhập siêu của Việt Nam đã lên tới con số “giật mình” là 19,6 tỉ USD, thậm chí chỉ riêng trong tháng 11/2013, thống kê mới nhất Tổng cục Hải quan cho thấy Việt Nam đã thâm hụt thương mại với thị trường Trung Quốc lên tới hơn 2 tỉ USD. Như vậy, là chỉ trong vòng hơn 10 năm, nhập siêu từ Trung Quốc của Việt Nam đã tăng khoảng gần 100 lần (Lê Thanh, 2013).

## 2. Chính sách tiền tệ

Điều hành chính sách tiền tệ trong năm qua đã góp phần quan trọng trong việc tiếp tục ổn định được kinh tế vĩ mô: lạm phát đã được kiểm soát, lãi suất ngày càng giảm, cán cân thanh toán thặng dư trở lại với mức cao, thị trường tiền tệ, ngoại hối ổn định. Có thể nhận thấy điều hành chính sách tiền tệ đã có những thay đổi tích cực: chính sách tiền tệ đã tập trung nhiều hơn vào mục tiêu kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, điều hành chính sách tiền tệ đã có chủ động định hướng thị trường, điều hành chính sách tiền tệ được kết hợp chặt chẽ với việc siết chặt công tác thanh tra giám sát. Tuy nhiên, chính sách tiền tệ của Việt Nam thời gian qua vẫn chưa đạt được mục tiêu mong muốn, chẳng hạn như mục tiêu tăng trưởng kinh tế và lạm phát, mặc dù đã điều hành nổi lòng đáng kể từ năm 2012 nhưng đến cuối năm 2013, tin dụng vẫn chỉ tăng thấp xa so với kế hoạch (khoảng 9% so với kế hoạch là 12%). Cơ chế truyền tải chính sách tiền tệ chưa hoàn thiện, thị trường tài chính còn đang phát triển nên Ngân hàng Nhà nước phải sử dụng các biện pháp quản lý mang tính hành chính. Điều này đã hỗ trợ nhất định cho điều hành chính sách tiền tệ trong giai đoạn vừa qua, tuy nhiên cũng vẫn có những tác dụng phụ không mong muốn, đòi hỏi phải được dỡ bỏ khi điều kiện cho phép. Nhìn chung, chính sách tiền tệ thời gian

Hình 3: Cán cân thương mại của Việt Nam từ năm 2003 đến 2013



Nguồn: Tổng cục thống kê



qua đã được thực hiện một cách linh hoạt và mang lại những kết quả tích cực đối với việc thực hiện mục tiêu kinh tế vĩ mô của Chính phủ. Tuy nhiên, hiệu quả đạt được của chính sách chưa đạt được mục tiêu mong muốn do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan. Trong bối cảnh hiện tại, các điều kiện cần cho một chính sách tiền tệ mục tiêu lạm phát chưa đầy đủ thì mục tiêu cuối cùng của chính sách tiền tệ vẫn nên là đa mục tiêu trong đó chủ trọng mục tiêu lạm phát và tăng trưởng kinh tế và mục tiêu hoạt động của chính sách tiền tệ cần được xác định là khối lượng cung ứng tiền. Trên cơ sở ước lượng hàm cầu tiền, để đạt được tốc độ tăng trưởng khoảng 5,5%/năm và tỷ lệ lạm phát khoảng 8% bình quân thời kỳ 2013- 2015 thì cung ứng tiền tệ cần tăng bình quân khoảng 17%/năm (Trần Thọ Đạt và Hà Quỳnh Hoa, 2013)

### 3. Chính sách tài khóa

Tình hình ngân sách nhà nước cho thấy tương tự như năm 2012, quy mô thu ngân sách của năm nay vẫn thể hiện tình thiếu bền vững khi thu từ các nguồn tài nguyên không thể tái tạo như dầu thô và đất đai tiếp tục là nhân tố chủ yếu để bù đắp cho phần sụt giảm từ thu nội địa và thu từ hoạt động xuất nhập khẩu trong năm 2013. Trong khi đó, quy mô chi tiêu ngân sách vẫn tiếp tục duy trì ở mức cao với khoản chi lớn nhất trong tổng chi ngân sách nhà nước hiện nay là chi thường xuyên (chiếm khoảng 67% tổng chi NSNN) và chi đầu tư phát triển (chiếm khoảng 18% tổng chi NSNN). Do thu nội địa và từ hoạt động xuất nhập khẩu so với kế hoạch suy giảm, việc tăng thu từ dầu thô giảm, cần đối ngân sách nhà nước theo kế hoạch đề ra đã không đạt được trong năm nay, khi kế hoạch bội chi ngân sách được Quốc hội đề ra vào đầu năm là 4,8% GDP, sau đó đến cuối năm Chính phủ đề xuất nới trần bội chi lên 5,3% GDP để tạo thêm dư địa tăng đầu tư phát triển. Như vậy, trong khi hiệu quả của chính sách tiền tệ còn đang hạn chế do việc tái cơ cấu hệ thống ngân hàng thương mại chưa có nhiều chuyển biến, nợ xấu chưa được giải quyết cơ bản thì dư địa của chính sách tài khóa đã trở nên hạn hẹp rất nhiều. Vì vậy, để đảm bảo mục tiêu ngân sách đề ra trong những năm tới, cần thực hiện chặt chẽ kỷ luật tài khóa trong chi tiêu công, tăng cường tiết kiệm chi, đặc biệt là chi thường xuyên đối với khu vực cần cai cách mạnh mẽ là hành chính công, xây dựng kế hoạch giảm dần đối tượng hưởng lương ngân sách để dần chuyển dịch cơ cấu chi, thiết lập sự cân bằng giữa thu và chi nhằm tăng thêm khả năng bổ trợ vốn đầu tư cho tăng trưởng kinh tế.

Trên cơ sở kết quả ước lượng về các hàm tiền dùng, hàm đầu tư, hàm nhập khẩu và hàm thuế dựa trên cơ sở số liệu thu thập được từ Tổng cục Thống kê và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, một nghiên cứu (Trần Thọ Đạt và Hà Quỳnh Hoa, 2013) đã xác định được số nhân chi tiêu của nền kinh tế Việt Nam là 3,29. Việc xác định được độ lớn của số nhân chi tiêu là 3,29 theo nghiên cứu này sẽ gợi mở cho các nhà hoạch định chính sách một cơ sở để xác định được độ lớn của các gói chi tiêu hoặc các kích thích cần phải có để đạt được mục tiêu kinh tế vĩ mô mà Chính phủ đặt ra. Với số nhân chi tiêu này, để đạt được mục tiêu tăng trưởng kinh tế là 5,5% và tỷ lệ lạm phát dự kiến là 7% trong năm 2013, Chính phủ cần phải tăng chi tiêu khoảng 110 nghìn tỷ đồng so với năm 2012 (tăng 13,5%) và sẽ vượt dự toán năm 2013 là khoảng 9,7%.

### 4. Kinh tế năm 2014: cơ hội và thách thức

Nhìn lại năm 2013, kinh tế nước ta về cơ bản vẫn là một bức tranh nhiều màu sắc đan xen mặc dù một số điểm sáng hơn đã bắt đầu lộ diện: tăng trưởng kinh tế phục hồi nhẹ nhưng chưa có dấu hiệu rõ ràng thoát chu kỳ suy giảm, lạm phát tiếp tục giảm, cân cán thương mại tiếp tục có thặng dư, tỷ giá ổn định và dự trữ ngoại hối gia tăng, tuy nhiên cân đối ngân sách vẫn căng thẳng và khu vực doanh nghiệp vẫn trong tình thế rất khó khăn. Hướng tới năm 2014, cùng với các yếu tố thuận lợi về quốc tế và trong nước, nền kinh tế vẫn tiềm ẩn không ít thách thức và khó khăn tạo nên những áp lực cho việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội đề ra.

Theo nhận định gần đây (Ủy ban Giám sát Tài chính tiền tệ quốc gia, 2013) mặc dù kinh tế thế giới được dự báo sẽ tăng khá hơn trong 2014-2015 nhưng vẫn ở mức tăng thấp, vẫn đối diện tiềm ẩn nhiều rủi ro, trong đó có vấn đề nợ công ở châu Âu, suy giảm tăng trưởng ở Trung Quốc và Ấn Độ. Kinh tế thế giới hiện đang đối diện với 2 thách thức lớn: (i) các nước mới nổi và đang phát triển vẫn chưa trở lại được mức tăng trưởng cao như trước đây và kinh tế Trung Quốc tăng trưởng chậm lại trong năm tới, (ii) khu vực Eurozone đang phải đối mặt với tình trạng tăng trưởng chậm và giảm phát.

Diễn biến tăng trưởng GDP và các nguồn lực tăng trưởng trong thời gian qua đã cho thấy khả rò hạn chế và hệ lụy của mô hình tăng trưởng chủ yếu dựa vào việc mở rộng các yếu tố đầu vào, trong đó chủ yếu là vốn vật chất. Trong bối cảnh nền kinh tế chưa có sự cải thiện đáng kể về năng suất và hiệu quả và trong thời gian tới nếu không có các giải pháp đột

phá về thể chế thì việc thu hút đầu tư từ khu vực tư nhân và đầu tư nước ngoài sẽ còn tiếp tục khó khăn và rất khó khăn, tổng vốn đầu tư toàn xã hội dự kiến đạt khoảng 30% GDP, áp lực từ nợ xấu cao và tăng trưởng tín dụng thấp vẫn đang hiện hữu thì tăng trưởng GDP trong năm 2014 khó kỳ vọng khởi sắc rõ nét. Hiện tại được đặt ở mức 5,8% có thể là một dự báo ở kịch bản lạc quan. Với những kết quả khả lạc quan về tốc độ tăng xuất khẩu và dự báo động lực tăng trưởng xuất khẩu trong năm tới có thể tiếp tục duy trì, nhiều khả năng kim ngạch xuất khẩu hàng nông nghiệp sẽ tiếp tục khởi sắc và đóng góp nhiều hơn vào tổng kim ngạch xuất khẩu, chỉ tiêu kim ngạch xuất khẩu tăng 10% là đạt được, nên mặc dù nhu cầu nhập khẩu tăng dần lên cùng với sự phục hồi của nền kinh tế, cán cân thương mại có thể trở lại mức thâm hụt nhẹ.

Với mục tiêu trọng tâm vẫn là kiềm chế lạm phát, diễn biến chỉ số giá trong năm tới có thể được kiểm soát tốt hơn nếu không có nhiều đột biến về giá cả hàng hóa trên thế giới. Tuy nhiên, cần lưu ý là nguy cơ tăng trở lại vẫn còn do trong năm 2014 có thể thực hiện cải cách tiền lương và điều chỉnh giá than, điện, y tế, giáo dục,... có thể ảnh hưởng mạnh nhất đến diễn biến lạm phát trong năm 2014. Trong một số năm trở lại đây, biên độ dao động lạm phát giữa các năm của nước ta là cao nhất trong khu vực, chứng tỏ tính ổn định của lạm phát là không cao. Ngoài ra, mặc dù giá năng lượng trên thế giới được dự báo sẽ ổn định trong năm 2014, Việt Nam vẫn cần đề phòng các cú sốc từ bên ngoài có thể tác động tới giá cả trong nước, chẳng hạn những biến động khó lường do tình trạng căng thẳng tại khu vực Trung Đông và Đông Á (Tài chính, 2013).

Với diễn biến chỉ số giá trong năm 2014 có thể được kiểm soát tốt hơn, cán cân thương mại được duy trì ổn định hoặc chỉ có thâm hụt nhẹ, tỷ giá có thể được kiểm soát. Điều này sẽ đem lại nhiều dự địa hơn cho việc nói lời chính sách vĩ mô một cách

thận trọng. Năm 2013 đã ghi nhận nhiều điểm cộng trong việc điều hành chính sách tiền tệ nói chung và tái cơ cấu hệ thống ngân hàng nói riêng. Tuy nhiên, những nguy cơ rủi ro trong hoạt động của hệ thống ngân hàng vẫn tiềm ẩn, lãi suất cho vay tuy đã giảm nhưng tăng trưởng tín dụng vẫn không đạt kế hoạch đề ra cho thấy sức cầu đầu tư từ doanh nghiệp và hộ gia đình chưa được cải thiện. Tái cơ cấu các ngân hàng thương mại cổ phần chưa đáp ứng theo mục tiêu đề ra, việc xử lý nợ xấu mới ở giai đoạn đầu, chưa mang tính bền vững, sở hữu chéo giữa các tổ chức tín dụng vẫn chưa được hạn chế và kiểm soát hiệu quả. Việc cân đối ngân sách nhà nước dự báo vẫn tiếp tục khó khăn do nguồn thu chưa khả quan, khiến nguồn thu có khả năng bị sụt giảm. Bộ chỉ ngân sách được duy trì ở mức 5,3% GDP đã phản ánh khó khăn trong việc bố trí vốn đầu tư phát triển (dự kiến ở mức 30% GDP), đồng thời sẽ tạo áp lực lớn đối với chính sách tiền tệ trong việc thực hiện mục tiêu kiểm soát lạm phát.

Nhìn chung, nền kinh tế đã trải qua một năm với nền tảng vĩ mô được tiếp tục ổn định, đã có dấu hiệu phục hồi nhưng chưa vững chắc. Bản thân ổn định kinh tế vĩ mô không tự thân dẫn đến phục hồi tăng trưởng, nó chỉ là điều kiện cần chứ chưa phải là điều kiện đủ. Nhiều rủi ro vĩ mô đang chực chờ khi nền kinh tế đang phải đối mặt với nguy cơ tăng trưởng tiềm năng đang bị suy giảm trong dài hạn. Năm 2014 là năm áp chót của kế hoạch 5 năm 2011-2015, sự ổn định và tiếp tục phục hồi kinh tế một cách chắc chắn của năm 2014 đóng vai trò quan trọng không chỉ trong kế hoạch 5 năm mà còn là nền tảng quan trọng cho nền kinh tế sớm khởi sắc và chuyển sang một giai đoạn mới, hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế toàn cầu trong bối cảnh có nhiều đối tác mới trong khung khổ Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương và Hiệp định Thương mại Tự do với EU □

### Tài liệu tham khảo:

- Huyền Thư (2013). ANZ Lạm phát 2014 của VN cao nhất trong các nước mới nổi, truy cập ngày 9/12/2013, từ <<http://kinhdoanh.vnexpress.net/tin-tuc/doanh-nghiep/anz-lam-phat-2014-cua-vn-cao-nhat-trong-cac-nuoc-moi-noi-2921278.html>>.
- Khánh Linh (2013a). Năm 2013: Tăng trưởng GDP chủ yếu dựa vào vốn và lao động, truy cập ngày 23/12/2013, từ <<http://cafef.vn/kinh-te-vi-mo-dau-tu/nam-2013-tang-truong-gdp-chu-yeu-dua-vaovon-va-lao-dong-201312231449135332ca33.chn>>.
- Khánh Linh (2013b). Năm 2013 Việt Nam xuất siêu 863 triệu USD, truy cập ngày 23/12/2013, từ <<http://cafef.vn/kinh-te-vi-mo-dau-tu/nam-2013-viet-nam-xuat-sieu-863-trieu-usd-201312231011514200ca33.chn>>.



- Lê Thanh (2013), *Nhập siêu từ Trung Quốc đã lên mức 21.6 tỉ USD*, truy cập ngày 20/12/2013, từ <<http://tuoiire.vn/Kinh-te/586371/nhap-sieu-tu-trung-quoc-da-len-muc-21-6-ti-usd.html>>.
- Nguyễn Duy Nghĩa (2013), *Cần đổi xuất nhập khẩu: Ba năm qua sáng sủa, hai năm rồi quyết liệt*, truy cập ngày 06/12/2013, từ <<http://nguoicaotuoivietnam.org.vn/kinh-te-xa-hoi/can-doi-xuat-nhap-khau-ba-nam-qua-sang-sua-hai-nam-toi-quyct-liet.html>>.
- Tài chính (2013), *"Nhận diện" những thách thức của nền kinh tế trong năm 2014*, truy cập ngày 17/12/2013, từ <<http://vietstock.vn/2013/12/nhan-dien-nhung-thach-thuc-cua-nen-kinh-te-trong-nam-2014-761-325181.htm>>.
- Thân Hoàng Dung (2013), *Kinh tế vĩ mô Việt Nam nhìn lại năm 2012 và hướng tới năm 2013*, truy cập ngày 03/01/2013, từ <<http://vietstock.vn/2013/01/kinh-te-vi-mo-viet-nam-nhin-lai-nam-2012-va-huong-toi-nam-2013-582-253085.htm>>.
- Thúy Hiền (2013), *CPI năm 2013 có mức tăng thấp nhất trong 10 năm qua*, truy cập ngày 17/12/2013, từ <<http://vietstock.vn/2013/12/cpi-nam-2013-co-muc-tang-thap-nhat-trong-10-nam-qua-761-325244.htm>>.
- Trần Thọ Đạt và cộng sự (2013), 'Bảo cáo đánh giá giữa kỳ tình hình thực hiện kế hoạch 5 năm phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2015', Hội thảo *Nhìn lại nửa chặng đường phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015 và những điều chỉnh chiến lược*, Hà Nội.
- Trần Thọ Đạt và Hà Quỳnh Hoa (2013), 'Số nhân chỉ tiêu của nền kinh tế Việt Nam', Tạp chí Kinh tế và Phát triển, số 198, tháng 12 năm 2013.
- Ủy ban Giám sát Tài chính tiền tệ quốc gia (2013), *Tình hình kinh tế Việt Nam 9 tháng năm 2013*, truy cập ngày 02/10/2013, từ <<http://www.tapchitaichinh.vn/Bao-cao-va-thong-ke-tai-chinh/Tinh-hinh-kinh-te-Viet-Nam-9-thang-nam-2013/32649.tctc>>.
- Ủy ban Kinh tế Quốc hội (2013), *Báo cáo kinh tế vĩ mô 2013: Thách thức còn ở phía trước*, Nhà xuất bản Tri thức, Hà Nội.

## Vietnam's economy in 2013: macroeconomic stability and growth recovery

### Abstract

The paper reviews updates on major macroeconomic variables, analyzes expected changes of these variables, summarize the key points of monetary and fiscal policies in the year 2013, and then identify several opportunities and challenges in the coming years. The paper covers three main parts: (i) overview of the economy in 2013 through exploring changes of several economic variables, (ii) analysis of key points of monetary and fiscal policies, and (iii) identification of opportunities and challenges in 2014 and coming years.

### Thông tin tác giả:

\***Trần Thọ Đạt**, Giáo sư, tiến sĩ kinh tế

- Nơi công tác: Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế quốc dân

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: kinh tế vĩ mô, tăng trưởng kinh tế, kinh tế học biến đổi khí hậu.

- Tạp chí đã từng đăng tài liệu viết: Tạp chí Kinh tế và Phát triển, Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế, Journal of Economics and Development, Vietnam's Socio-Economic Development Review.

Email: tranthodat@neu.edu.vn

\*\***Viễn Duy Thành**, thạc sĩ

- Nơi công tác: Bộ môn Toàn kinh tế, Khoa Toàn kinh tế, Trường Đại học Kinh tế quốc dân

- Lĩnh vực nghiên cứu: Phân tích chính sách Kinh tế vĩ mô, Chính sách tiền tệ, Chính sách tài khóa.

Email: vienduythanh1990@gmail.com

\*\*\* **Trần Thị Lan Hương**, thạc sĩ

- Nơi công tác: Bộ môn Kinh tế Vĩ mô, Khoa Kinh tế học, Trường Đại học Kinh tế quốc dân

Email: huonglannt26@gmail.com